SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Ánh sáng

GOBI S1P

GOBIS1P

Giày bảo h ộ **Low S1P**

Modern S1P safety shoes with suede leather upper, steel toe, memory foam comfort, and an abrasion-resistant scuff cap.

Những vật liệu cao cấ thép n, Lớ	Da l
i tái chế lớ	
Đ ệm chân SJ	Memory Foam
đế g	Thép
Đ	PU / PU
Đứng đầ	Thép
Loạ	S1 P / SR, SC, LG, FO, CI
Phạm vi kích thước	EU 35-47 / UK 3.0-12.0 / US 3.0-13.0 JPN 21.5-31 / KOR 230-310
thép	0.625 kg
hiêu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024

NAV

BLK

Nắp **Scuff (SC)**
Vật liệu che phủ mũi giày đã được thử nghiệm riêng hao mòn vật liệu trên (ví dụ: khi quỳ) và mở rộng giày an toàn.

(SR) Chống t
đây SR AESRD HSRC SR có nghĩa là phép thử
thực hiện điểm xà phòng và dầ

& nhiên
khả năng và nhiên liệu.

Tay nắm bậc **thang (LG)**
Đường viền được xác định đặc biệt giày an toàn để tăng thêm độ an toàn khi đứng trên thang.

Mặt **trên** bằng **da thoáng khí**
Da tự nhiên ứng dụng linh hoạt

Cách điện lạnh **(CI)**
Giày bảo hộ cách nhiệt chúng được mặc trong môi

Công nghiệp **n:**
lĩnh vự c ô tô, Xây dựcần g, Ngành công n ghiệ p , Biên t ập

ường: **Môi** t
rư ờn mộikhô

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đa giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẩ cápbù hằm nhiệg Khôngtrên lò s

	Sự **miêu** t ả	ơn vị **đo** l	Đ ờn g	ế t K ả u q	**EN ISO 20345**
Nhữ n g vật liệu **thép, Da** l ớ **cao** cấp h ơn					
	Top: khả năng thấm nước	iờ	mg/cm/g	12.7	? 0.8
	Top: hi nệ số h ơ		mg/cm2	101.6	? 15
ót bên trong	i **tái** th ế ớ				
	L ớp lót: thấm nước	iờ	mg/cm/g	86.31	? 2
	lót: hi nệ số h ơ		mg/cm2	691	? 20
rong Đ ệ m **chân SJ Memory Foam**					
	ệ m chân: Đ ch ố n g mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ)		chu kỳ	25600/12800	25600/12800
goài Đ	**PU / PU**				
	Ch ố n g mài mòn ngoài (		mm	137	? 150
	Chư ớt trc gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ớt gót lùi về phía t		ma sát	0.40	? 0.31
	rư Cột cố nước bảng - G ố m + NaLS - Trư ớt lùi về phía t		ma sát	0.41	? 0.36
	rư Cột SR G ố m + Glycerin - Trư ớt gót phía t		ma sát	0.29	? 0.19
	Chư ớt trc SR G ố m + Glycerin - Trư ớt lùi về phía t		ma sát	0.30	? 0.22
	rị ch ố Giá t g tĩnh điệ n		megaohm	33.6	0.1 - 1000
	rị ESD Giá t		megaohm	N/A	0.1 - 100
	Hấp thụ năng l ượng gót chân		J	30	? 20
Đ ứ n g đầ **Thép**					
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)		mm	N/A	N/A
	Nắp mũi ch ố n g nén (khe h ở sau khi nén 10kN)		mm	N/A	N/A
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)		mm	15	? 14
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)		mm	20.5	? 14

kích thước thép: 42

a chúng tôi khuyến cáo bạn nên thay đổi nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự đồng ý bằng văn bản của chúng tôi.